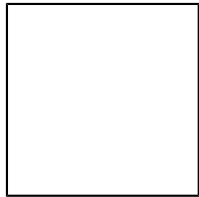


Bản án số: 91/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018
V/v: " Xin ly hôn".



**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Chí Linh.**

* Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Lệ Nga

2/ Bà Chung Kim Sang

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Ưng** - Thư ký Toà án.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 283/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 181 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh L**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 61 đường Hàm Nghi, khu phố 5, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/11/2018

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:** Trước đây ông T và bà L tự tìm hiểu nhau khoảng 07 năm sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/12/1991.

Lý do xin ly hôn: Ông T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên đã tự ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Thấy đời sống

chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Thanh L.

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Võ Văn Sang, sinh năm 1993 và Võ Văn, sinh năm 1998. Hiện các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 23/10/2018 bà Trần Thị Thanh L trình bày:**

Về hôn nhân: Bà L thống nhất ly hôn với ông T

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Võ Văn Sang, sinh năm 1993 và Võ Văn, sinh năm 1998. Hiện các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T kiên quyết xin được ly hôn với bà L, mong Hội đồng xét xử chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Việc ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Thanh L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bà Trần Thị Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/11/2018 với lý do bận công việc và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Ông Võ Văn T và bà Trần Thị Thanh L tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang vào ngày 21/12/1991 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã do đó tình cảm ngày càng xa cách.

Hai bên đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L.

[3] Xét thấy việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay ông T và bà L kiên quyết không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, hai bên cũng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay và hiện tại ông T và bà L đã sống ly thân với nhau từ năm 2007 cho đến nay. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà L.

[4] Về con chung: Ông T và bà L xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Võ Văn Sang, sinh năm 1993; Võ Văn, sinh năm 1998; Tất cả các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông T và bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Buộc ông Võ Văn T phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004946 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn T và bà Trần Thị Thanh L
- Về con chung: Về con chung: ông T và bà L xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Võ Văn Sang, sinh năm 1993; Võ Văn, sinh năm 1998; Tất cả các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

* **Về án phí hôn nhân gia đình:** Buộc ông Võ Văn T phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004946 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS
- Phòng GD&ĐT
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu vph

BÙI CHÍ LINH

